

Bài 20

MỘT SỐ THIÊN TAI CHỦ YẾU VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Biết được một số loại thiên tai chủ yếu (bão, ngập lụt, lũ quét, hạn hán,...) thường xuyên gây tác hại đến đời sống, kinh tế ở nước ta và phạm vi ảnh hưởng của các loại thiên tai này. Biết vận dụng các kiến thức đã học để giải thích sự phân bố đó.

– Nhận thức được hậu quả và biết cách phòng chống đối với mỗi loại thiên tai.

2. Về kỹ năng

Vận dụng vào thực tiễn các biện pháp phòng tránh thiên tai.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ Khí hậu Việt Nam.
- Atlas Địa lí Việt Nam.
- Một số hình ảnh về bão, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, động đất ở Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Bão là loại thiên tai thường xảy ra nhất, gây tác hại nghiêm trọng và trên diện rộng ở nước ta. Mùa bão hoạt động ở Việt Nam thường từ tháng VI đến tháng XI, chậm dần từ Bắc vào Nam. Bão tác động mạnh nhất ở dải đồng bằng ven biển miền Trung.

2. Các loại thiên tai ngập lụt, lũ quét, hạn hán là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa diễn ra ở nước ta. Diễn biến thất thường và cường độ hoạt động, mức độ tác hại ngày càng tăng của các

loại thiên tai này liên quan đến tính thất thường của khí hậu và việc khai thác sử dụng tự nhiên bất hợp lí của con người. Sự phân bố mức độ của các loại thiên tai này chịu ảnh hưởng của các điều kiện khí hậu và địa hình.

3. Biết được sự phân bố động đất ở Việt Nam. Động đất mạnh nhất và tập trung nhất ở vùng Tây Bắc, sau đến vùng Đông Bắc và vùng ven biển Nam Trung Bộ. Các loại thiên tai khác và hậu quả của chúng.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Bão

a) *Hoạt động của bão ở Việt Nam* : Ở mục này, GV cho HS dựa vào nội dung SGK để trả lời các câu hỏi :

- Bão thường tập trung vào những tháng nào ?
- Vùng nào ở nước ta chịu thiệt hại nặng nề nhất của bão ?

GV cần nhấn mạnh bão tập trung nhiều nhất vào tháng IX, sau đó đến các tháng X và tháng VIII. Tổng số cơn bão của 3 tháng này chiếm tới 70% số cơn bão trong toàn mùa. HS rút ra : Bão xảy ra nhiều và tác động mạnh nhất ở đồng bằng ven biển miền Trung, đặc biệt từ Thanh Hoá đến Quảng Ngãi.

b) *Hậu quả của bão ở Việt Nam và biện pháp phòng chống*. GV gợi ý để HS nêu lên được ảnh hưởng khác nhau của bão ở 3 miền đồng bằng và hậu quả của bão.

GV tiếp tục cho HS nêu các biện pháp phòng tránh bão và trả lời câu hỏi : Vì sao chống bão phải luôn kết hợp với chống lụt, úng ở đồng bằng và chống lũ, chống xói mòn, sạt lở đất ở miền núi ?

2. Ngập lụt, lũ quét và hạn hán

a) *Ngập lụt* : GV yêu cầu HS đọc nội dung ở mục a) và trả lời câu hỏi ở đầu mục a.

Đối với câu hỏi này, HS cần phân biệt nguyên nhân gây ngập lụt mạnh ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có sự khác nhau :

– Đồng bằng sông Hồng ngập lụt là do mưa lũ lớn, tập trung, mặt đất thấp, xung quanh có đê bao bọc, nhiều ô trũng, thêm vào đó là đô thị hoá cao cũng tăng mức độ ngập lụt.

– Đồng bằng sông Cửu Long : ngập úng diễn ra trên diện rộng, không chỉ do nước lũ mà còn do triều cường cao. Bề mặt đồng bằng sông Cửu Long thấp, có các ô trũng lớn, phẳng hơn đồng bằng sông Hồng nên khả năng tiêu nước kém hơn và còn phụ thuộc thủy triều. Vì thế, vấn đề tiêu nước chống ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long còn cần tính đến làm công trình ngăn mặn.

b) *Lũ quét* : GV giảng giải cho HS hiểu điều kiện xảy ra lũ quét, sự gia tăng của lũ quét ở nước ta trong những năm gần đây. Từ đó HS trình bày những nguyên nhân, hậu quả của lũ quét và biện pháp phòng chống.

c) *Hạn hán* : GV yêu cầu HS cho biết nguyên nhân gây ra hạn hán, những vùng bị hạn hán nhiều ở nước ta.

Sau đó, yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở mục c, GV cần chú ý :

Ở miền Bắc có mưa phùn, nhờ đó làm giảm lượng nước thiếu hụt so với mùa khô ở miền Nam.

Tiếp theo, GV cho HS nêu những thiệt hại do hạn hán gây ra và trả lời câu hỏi : Vì sao phòng chống hạn hán lâu dài phải giải quyết bằng những công trình thủy lợi hợp lý ?

3. Các thiên tai khác

– GV cho HS tìm trong Atlas Địa lí Việt Nam hoặc trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam những khu vực có hoạt động động đất ở nước ta. GV cần nhấn mạnh động đất xảy ra mạnh nhất là khu vực Tây Bắc. Cho đến nay, động đất vẫn là thiên tai bất thường, bởi vậy rất khó phòng tránh.

– GV có thể cho HS nêu tên một số thiên tai khác và hậu quả của chúng.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

1. Một số thiên tai chính : bão, lũ lụt, hạn hán ở Việt Nam

Theo Liên hợp quốc, Việt Nam nằm trong số 10 nước hàng đầu thế giới bị thiệt hại do thiên tai. Thống kê trong 10 năm gần đây, bình quân mỗi năm bão lũ, sạt lở đất, lũ quét, hạn hán và các thiên tai khác đã làm chết và mất tích gần 750 người, giá trị thiệt hại về tài sản hơn 6000 tỉ đồng, ước tính chiếm 1,5% GDP. Trong các loại thiên tai gây thiệt hại về người và tài sản, bão lũ là nguyên nhân chính.

a) *Bão, lũ lụt* : Trận bão lũ lịch sử, bão số 5 Lekima diễn ra vào tháng X năm 2007 đã gây thiệt hại lớn cho miền Trung là một ví dụ. Trận bão này làm

70 người chết, 16 người bị mất tích, 126 người bị thương, 135 000 ngôi nhà bị sập, hư hỏng, hàng trăm nghìn ha lúa và hoa màu bị mất trắng, ước tính thiệt hại hàng nghìn tỉ đồng.

Trận bão Linda xảy ra vào năm 1997 tại đồng bằng sông Cửu Long với tốc độ gió 150 km/giờ (cấp gió 14) là một tai hoạ bất thường, gây nổi kinh hoàng cho cư dân trong vùng. Tổn thất trận bão này gây ra rất lớn, đã làm thiệt mạng 4500 người, hư hại 200 nghìn căn nhà và 325 nghìn ha ruộng.

– Bão, lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng : Lũ kết hợp mưa bão làm cho đồng bằng sông Hồng là vùng hứng chịu thiên tai lũ lụt nghiêm trọng nhất. Trong vòng 100 năm qua, đồng bằng sông Hồng đã chịu 26 trận lũ lụt lớn. Hàng năm có khoảng 15% diện tích ruộng trên đồng bằng bị úng ngập. Lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng đã có phần giảm bớt do có các hồ chứa ở phần trung và thượng lưu sông. Nhưng tác hại lũ lụt do gió bão từ biển vào cũng gây thiệt hại lớn. Như trận lũ lụt do bão Frankie gây nên vào ngày 24 tháng 7 năm 1999, mưa to ; với tốc độ gió hơn 100 km/giờ (cấp 11) làm 100 người thiệt mạng, 194 000 căn nhà bị hư hại và hơn 177 000 ha đồng ruộng bị úng ngập.

– Bão, lũ lụt ở miền Trung : Lượng mưa lớn, tập trung cao vào các tháng IX, X do sự kết hợp của mưa bão, áp thấp nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc, trong đó bão là nguyên nhân chính gây mưa lớn và lũ lụt ở miền Trung. Từ năm 1995 – 1999, miền Trung chịu ảnh hưởng của 13 cơn bão, 5 áp thấp nhiệt đới và 23 đợt gió mùa Đông Bắc cũng là những năm lũ lụt gây thiệt hại lớn nhất về người và tài sản cho dân cư ở miền này. Ở miền Trung, lũ lụt năm 1996 làm chết 400 người, năm 1998 số người chết do lũ lụt là 450 người. Năm 1999, hai cơn lũ xảy ra liên tiếp từ đầu tháng XI đến đầu tháng XII được gọi là cơn lũ thế kỉ đã làm 750 người thiệt mạng và tổn thất tài sản tới 300 triệu đô la Mĩ (tương đương 4,8 nghìn tỉ VNĐ). (www.vnbaolut.com/lulutMT)

– Bão, lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long : Bão ở đồng bằng sông Cửu Long thường ít xảy ra nhưng lũ lụt lại thường phát triển trên diện rộng, hơn nữa nhà ở của cư dân vùng nông thôn đồng bằng không kiên cố nên tác hại do lũ lụt gây ra rất lớn. Từ tháng IX đến tháng XI năm 2000, lũ đã làm thiệt mạng gần 1000 người và tổn thất 5 triệu đô la Mĩ (khoảng 80 tỉ đồng VN).

b) Hạn hán : Hạn hán vào hai năm 2003, 2004 diễn ra trên khắp cả nước, lượng mưa giảm 50 – 60% trung bình năm. Hạn hán nặng nhất ở Tây Nguyên, có nơi thời kì khô kiệt kéo dài tới 3 tháng, lượng mưa nhỏ hơn 1/4 lượng bốc hơi, nhiều khi cả tháng không mưa. Hạn hán liên tiếp xảy ra vào các năm tiếp theo 2005, 2006, 2007. Theo điều tra ước tính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

hạn hán năm 2005 làm cho gần 240 nghìn ha trong tổng số 1560 nghìn ha ruộng ở đồng bằng sông Cửu Long bị thiếu nước hoặc bị xâm nhập mặn, tổng số thiệt hại lên đến 722,4 tỉ đồng. Còn ở Tây Nguyên, riêng tỉnh Đắk Lắk đã có gần 100 nghìn ha trong tổng số 163,7 nghìn ha trồng cà phê bị hạn, con số thiệt hại lên đến 1106 tỉ đồng. Hạn hán vào năm này có liên quan đến hoạt động của El Nino. Hạn hán thủy văn đang diễn ra (cuối tháng 12/2007 – 1/2008) ở miền Bắc. Mực nước sông Hồng hạ thấp còn 1,1 m (thấp nhất trong vòng 50 năm nay), dự báo từ 100 – 200 nghìn ha cây trồng thiếu nước.

2. Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

Thủ tướng Chính phủ vừa có Quyết định số 172/2007/ QĐ – TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Theo đó, Chiến lược bao gồm các công tác phòng chống thiên tai như : phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, bảo đảm phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

Mục tiêu của Chiến lược là huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay đến năm 2020, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm sự bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Quyết định nêu rõ những mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ và giải pháp cho từng khu vực cũng như nguyên tắc chỉ đạo trong việc phòng chống thiên tai.

Kế hoạch hành động trong việc phòng chống và giảm nhẹ thiên tai bao gồm :

– Biện pháp hành chính :

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng luật phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Ban hành các chính sách cứu trợ, chống đầu cơ tăng giá, phục hồi sản xuất và môi trường sau thiên tai. Ban hành các chính sách hỗ trợ những vùng thường xuyên có thiên tai.

– Biện pháp công trình :

+ Xây dựng các hồ chứa nước, quy trình điều hành các hồ chứa để khai thác hiệu quả nguồn nước và tham gia cất lũ.

+ Nâng cấp hệ thống đê điều, cải tạo nâng cấp các cống dưới đê, cứng hoá mặt đê từ cấp 3 trở lên.

+ Xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền trú bão.